

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG**  
**CỦA BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY**  
**thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị**  
**về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo**  
**và chuyển đổi số quốc gia**

-----

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW), Ban Thường vụ Thành ủy xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW với các nội dung như sau:

**I. MỤC ĐÍCH**

**1. Quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW:** Bảo đảm toàn Đảng bộ và hệ thống chính trị thành phố nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gắn với sự phát triển giàu mạnh, hùng cường của quốc gia trong kỷ nguyên mới; cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư; Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ, Nghị quyết số 226/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng, nhất là các cơ chế, chính sách tạo đột phá trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số,... thành các mục tiêu, quy hoạch, chiến lược, đề án, dự án cụ thể, phù hợp với điều kiện của thành phố. Người đứng đầu phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải gương mẫu thực hiện; tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai thực hiện Nghị quyết.

**2. Thống nhất nhận thức, tạo quyết tâm chính trị cao:** Giúp cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và Nhân dân thành phố có cùng tầm nhìn, đồng thuận trong triển khai; khơi dậy tinh thần chủ động, sáng tạo ở mọi cấp, mọi ngành, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong tổ chức thực hiện.

**3. Phát huy tiềm năng, thế mạnh của thành phố:** Xác định các lĩnh vực ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số dựa trên lợi thế của thành phố; thúc đẩy các đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, nhân tài, công nghệ.

**4. Tạo bước chuyển mạnh mẽ về hạ tầng số, nhân lực số, hệ sinh thái khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo:** Từng bước xây dựng chính quyền số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số; thiết lập hệ sinh thái khởi nghiệp, cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao... phù hợp với thực tiễn tại thành phố.

**5. Góp phần vào phát triển bền vững, hiện đại hóa đất nước:** Thực hiện tốt Kế hoạch hành động để thành phố đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa quốc gia, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cả nước; nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, tăng cường quốc phòng - an ninh.

## **II. YÊU CẦU**

**1. Bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW:** Toàn bộ nội dung Kế hoạch hành động (từ mục tiêu đến giải pháp) phải thống nhất với tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW và các quy định, hướng dẫn của Trung ương, đồng thời phải kế thừa những kết quả, chương trình, đề án liên quan đã có, tránh “xây dựng mới” một cách tùy tiện.

**2. Quán triệt sâu sắc, kế thừa và phát huy các kết quả, kinh nghiệm:** Nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vai trò đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; Kế hoạch hành động cần kế thừa các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan đã và đang triển khai của tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng trước khi hợp nhất và của thành phố Hải Phòng hiện nay (về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số...).

**3. Xác định đúng phương thức, không hình thức, không dàn trải:** Xác định thể chế, cơ chế chính sách là yếu tố dẫn dắt, chuyển đổi số là công cụ hỗ trợ quan trọng trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; triển khai thực hiện theo nguyên tắc thí điểm, đánh giá kết quả trước khi nhân rộng. Nghiên cứu phát huy những tiềm năng, thế mạnh và lợi thế của thành phố trên tất cả các lĩnh vực; xác định rõ những hạn chế, bất cập, điểm nghẽn, tác nhân gây cản trở để có giải pháp tháo gỡ kịp thời, triệt để. Tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có thể tạo ra kết quả mang tính đột phá, mang lại hiệu ứng lan tỏa lớn.

**4. Xác định các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể:** Các nhiệm vụ, giải pháp phải phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố; bảo đảm tính khả thi, lộ trình rõ ràng, phân công trách nhiệm cụ thể nhằm đạt mục tiêu phát triển công nghiệp phát triển hiện đại, thông minh, bền vững tầm cỡ khu vực Đông Nam Á và thế giới.

**5. Bảo đảm tính khả thi, lộ trình rõ ràng, phân công trách nhiệm cụ thể:** Các chỉ tiêu, nhiệm vụ phải gắn với thời hạn thực hiện (ngắn hạn, trung hạn, dài hạn); nêu cụ thể đơn vị đầu mối chủ trì và đơn vị phối hợp. Phân bổ nguồn lực (nhân lực, tài chính, vật lực) phù hợp với từng nhiệm vụ, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí.

**6. Xác định các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp mang tính chiến lược theo từng giai đoạn 5 năm:** Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp gắn với kết quả, sản phẩm cụ thể (theo tháng, quý, năm, giai đoạn); có cơ chế, công cụ đo lường, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; phân công trách nhiệm, thời hạn thực hiện cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân bảo đảm phù hợp với năng lực, điều kiện thực tế của thành phố.

**7. Đồng bộ, phối hợp chặt chẽ, liên thông trong toàn hệ thống chính trị:** Huy động sự tham gia của các cấp, các ngành, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, các trường đại học và toàn xã hội vào quá trình thực hiện. Thiết lập cơ chế phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả giữa Trung ương với địa phương, giữa các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các sở, ban, ngành và doanh nghiệp, cộng đồng khoa học - công nghệ, giữa khu vực công và khu vực tư, giữa trong nước và quốc tế, tránh chồng chéo, trùng lặp.

**8. Tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả, báo cáo kịp thời:** Thiết lập chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết định kỳ. Quy định rõ cơ chế kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Coi trọng vai trò giám sát của Ban Thường vụ Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; báo cáo Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tại thành phố Hải Phòng (sau đây gọi là Ban Chỉ đạo thành phố) kịp thời đối với các hoạt động quan trọng và tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện<sup>1</sup>. Phát hiện sớm những khó khăn, vướng mắc, kịp thời xử lý, tháo gỡ; can thiệp bằng các chính sách (trong thẩm quyền) để đưa ra các giải pháp hiệu quả, tháo gỡ các điểm nghẽn tạo chuyển biến, đạt được các mục tiêu, yêu cầu của kế hoạch đặt ra.

**9. Bảo đảm công khai, minh bạch, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đi kèm với trách nhiệm giải trình:** Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân. Thông tin, dữ liệu, quyết định liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số cần được công khai tối đa; từng cơ quan, cá nhân chịu trách nhiệm giải trình về kết quả thực hiện. Ưu tiên tăng bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước kết hợp thúc đẩy việc huy động xã hội hóa trong đầu tư khoa học-công nghệ, chuyển đổi số, khởi nghiệp sáng tạo (đặc biệt là các mô hình kết hợp công tư, quỹ đầu tư...). Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực xã hội nói chung, đặc biệt là nguồn ngân sách Nhà nước; ưu tiên các nhiệm vụ cấp thiết, dự án có tính lan tỏa và hiệu quả cao.

---

<sup>1</sup> Theo hình thức trực tuyến trên hệ thống thông tin theo dõi, đánh giá việc triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW do Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chủ trì xây dựng, quản lý.

**10. Kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu trước mắt và lâu dài:** Vừa giải quyết những yêu cầu cấp bách (cải cách hành chính, xây dựng hạ tầng số, nâng cao chất lượng dịch vụ công...) vừa có tầm nhìn dài hạn (đến 2030, 2035, 2045) trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; cần gắn Quy hoạch phát triển của thành phố với Chiến lược dài hạn, bảo đảm tính đồng bộ.

**11. Đẩy mạnh tuyên truyền, tạo sự đồng thuận và phát huy sáng tạo của toàn xã hội:** Phổ biến rộng rãi mục tiêu, lộ trình, cách làm; khuyến khích Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, đội ngũ trí thức tham gia, đóng góp sáng kiến, nguồn lực. Xây dựng phong trào thi đua trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; kịp thời biểu dương, khen thưởng các mô hình tiêu biểu.

**12. Tập trung, quyết liệt, hiệu quả, tiết kiệm, khả thi:** Triển khai Nghị quyết một cách quyết liệt, đồng bộ, thống nhất; mọi giải pháp, chương trình, dự án cần tính toán khả năng triển khai, hiệu quả kinh tế-xã hội; ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực trọng điểm, có tính lan tỏa, tạo ra giá trị gia tăng cao không dàn trải, hình thức và theo phong trào. Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, gắn với các chỉ số đo lường và đánh giá hiệu quả (KPIs), phân công trách nhiệm, xác định thời hạn thực hiện.

**13. Đảm bảo tinh thần chủ động, tư duy năng động, sáng tạo:** Chủ động triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố. Khuyến khích tư duy đổi mới, cách làm sáng tạo, mạnh dạn thử nghiệm các mô hình, công nghệ, giải pháp mới.

### **III. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu chung**

- Nâng cao năng lực nội sinh, sức cạnh tranh của kinh tế thành phố thông qua đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành, lĩnh vực chủ lực; nâng cao tỷ trọng đóng góp của chỉ số TFP trong tăng trưởng GRDP của thành phố.

- Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp, trung tâm nghiên cứu - phát triển, kết nối chặt chẽ cơ sở nghiên cứu với cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; khơi dậy tinh thần sáng tạo và thu hút nguồn lực chất lượng cao từ trong và ngoài nước.

- Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường số, dựa trên dữ liệu đồng bộ, liên thông; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững.

- Tái cấu trúc, xây dựng hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng;

từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của thành phố.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội, thúc đẩy liên kết vùng, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ, đóng góp tích cực vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực đồng thời là mục tiêu phát triển và bền vững phát triển kinh tế-xã hội; tạo ra các giá trị tăng trưởng mới từ kinh tế số, với ba trụ cột kinh tế: công nghiệp-công nghệ cao, cảng biển-logistics, du lịch-thương mại; hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích, phục vụ tối đa nhu cầu sản xuất, kinh doanh cũng như sinh hoạt cộng đồng của người dân; tạo môi trường khởi nghiệp sáng tạo, chủ động tiếp cận và tận dụng các cơ hội của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo nền tảng vững chắc để đưa thành phố trở thành thành phố công nghiệp hiện đại, thông minh, bền vững tầm cỡ khu vực Đông Nam Á, cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại đặc biệt; trở thành trung tâm dịch vụ logistics quốc tế hiện đại bằng cả đường biển, đường hàng không, đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao; trung tâm quốc tế về đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học-công nghệ với các ngành nghề hàng hải, đại dương học, kinh tế biển.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### **2.1. Đến hết năm 2025**

#### *a) Phát triển hạ tầng*

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn đạt  $\geq 60\%$ .
- Tỷ lệ phủ sóng 5G trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, cảng biển, cảng hàng không, khu du lịch, trung tâm thương mại đạt  $100\%^2$ .
- Có  $\geq 60\%$  người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.
- Có Trung tâm an ninh mạng cấp thành phố (hoặc thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin), giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống.

#### *b) Phát triển nguồn lực*

- Phần đầu có ít nhất 3,0% tổng chi ngân sách thành phố chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.<sup>3</sup>
- Có  $\geq 80\%$  cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.
- 100% cán bộ, công chức cấp thành phố được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

<sup>2</sup> Chỉ tiêu bổ sung.

<sup>3</sup> Chỉ tiêu khung Kế hoạch hành động: 2%.

- 80% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

- 80% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có từ 07 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

- Có  $\geq 75\%$  cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên;

- Có  $\geq 70\%$  đối với các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên;

- Có  $\geq 90\%$  Cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số.

- Có  $\geq 80\%$  Cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.

*c) Phát triển khoa học, công nghệ*

- Có  $\geq 75$  doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn.

- Có  $\geq 4$  tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc thành phố.

- Có  $\geq 30$  công trình khoa học và công nghệ cấp thành phố được nghiệm thu.

- Có  $\geq 300$  cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn thành phố.

- Có  $\geq 30$  nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố triển khai.

- Có  $\geq 40\%$  kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.

- Có  $\geq 25$  đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).

- Có  $\geq 10\%$  doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.

- Có  $\geq 50$  bài báo khoa học (Scopus/ISI) có địa chỉ tác giả tại thành phố.

- Có  $\geq 1$  công trình đạt giải thưởng khoa học và công nghệ quốc gia/khu vực.

- Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

*d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo*

- Có  $\geq 200$  doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo<sup>4</sup>.

- Có  $\geq 3$  vườn ươm/trung tâm đổi mới sáng tạo<sup>5</sup>.

---

<sup>4</sup> Số Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo của thành phố đến tháng 3/2025: 150 Doanh nghiệp

- Có  $\geq 15\%$  doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.
- Có  $\geq 20$  sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.
- Có  $\geq 10$  dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách thành phố.
- Có  $\geq 10$  sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại thành phố.
- Có  $\geq 100$  bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.
- Có  $\geq 10\%$  doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các viện/trường.
- Có  $\geq 60$  sáng kiến trong khu vực công được công nhận<sup>6</sup>.
- Xây dựng và tổ chức triển khai Đề án thành lập Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo Hải Phòng<sup>7</sup>.

*e) Phát triển chuyển đổi số*

- Chỉ số chuyển đổi số thành phố  $\geq 0.77^8$ .
- Có  $\geq 70\%$  thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.
- Có 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.
- Có  $\geq 70\%$  giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.
- Có  $\geq 80\%$  hồ sơ<sup>9</sup>, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- Có 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện<sup>10</sup>.
- Có  $\geq 70\%$  hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Có  $\geq 40\%$  hệ thống thông tin của thành phố được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.
- Có  $\geq 50\%$  cơ sở dữ liệu của thành phố được số hóa & liên thông với Trung ương.
- Có  $\geq 60\%$  dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ (LGSP).
- Có  $\geq 30\%$  doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- Có  $\geq 70\%$  người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)<sup>11</sup>.
- Có  $\geq 100\%$  đảng ủy, chính quyền cấp xã sử dụng phần mềm quản trị điều

<sup>5</sup> Số vườn ươm/trung tâm ĐMST của thành phố đến tháng 3/2025 là: 03 đơn vị

<sup>6</sup> Giai đoạn 2021- 2024, trung bình mỗi năm thành phố có 50 sáng kiến khu vực công được công nhận

<sup>7</sup> Chỉ tiêu bổ sung

<sup>8</sup> Chỉ tiêu khung Kế hoạch hành động: 0.6; Kết quả thành phố năm 2023 đạt 0.7383

<sup>9</sup> Chỉ tiêu khung Kế hoạch hành động: 70%; Kết quả thành phố năm 2024 đạt 79.95%

<sup>10</sup> Chỉ tiêu khung Kế hoạch hành động: 80%; Kết quả thành phố năm 2024 đạt 100%

<sup>11</sup> Chỉ tiêu khung Kế hoạch hành động:  $\geq 50\%$

hành thống nhất.

- Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử. Quy mô kinh tế số đạt 30% GRDP<sup>12</sup>.

- Hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành thông minh<sup>13</sup>.

- Hoàn thiện Trung tâm dữ liệu của tỉnh cho Chính quyền điện tử và đô thị thông minh<sup>14</sup>.

- Xây dựng hệ thống giám sát an toàn thông tin cho Trung tâm dữ liệu<sup>15</sup>.

## **2.2. Đến hết năm 2030**

### *a) Phát triển hạ tầng*

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn đạt 100%.

- 100% người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s.

### *b) Phát triển nguồn lực*

- Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GRDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm hơn 60%; phần đầu bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách thành phố hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

- 90% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có từ 12 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

- Có  $\geq 95\%$  cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên.

- Có  $\geq 90\%$  đối với các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên.

- Có 100% cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số; cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số.

<sup>12</sup> Chỉ tiêu khung Kế hoạch hành động: 15%.

<sup>13</sup> Chỉ tiêu mới: Căn cứ Quyết định 1639/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

<sup>14</sup> Chỉ tiêu mới: Căn cứ Quyết định 1639/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

<sup>15</sup> Chỉ tiêu mới: Căn cứ Quyết định 1639/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Có 100% cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên triển khai các chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh (học viên) phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học.

- Có  $\geq 95\%$  các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo vào các môn học và hoạt động giáo dục.

- Có  $\geq 85\%$  cơ sở giáo dục trung học, Cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên.

- Có 100% cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.

- Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hoá, xã hội, con người Thành phố, đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,7<sup>16</sup>.

#### *c) Phát triển khoa học, công nghệ*

- Có  $\geq 600$  cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn thành phố.

- Tỷ trọng đóng góp năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) và GRDP đạt 55-60%<sup>17</sup>.

- Tốc độ đổi mới công nghệ trung bình đạt 20-22%/năm<sup>18</sup>.

- Có  $\geq 150$  doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn<sup>19</sup>. Thành phố phân đầu có số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ đạt Top đầu cả nước; tối thiểu có 01 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến. Thu hút ít nhất 01 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Thành phố<sup>20</sup>.

- Có  $\geq 6$  tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc thành phố. Có từ 2-3 tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới<sup>21</sup>.

- Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng bình quân 19%/năm; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đạt 55%; tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghệ cao trong công nghiệp chế biến, chế tạo đạt trên 70%<sup>22</sup>.

<sup>16</sup> Chỉ tiêu mới: Căn cứ Chương trình hành động số 89-CTr/TU ngày 25/02/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

<sup>17</sup> Chỉ tiêu mới: Căn cứ Chương trình hành động số 89-CTr/TU ngày 25/02/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

<sup>18</sup> Chỉ tiêu mới: Căn cứ Chương trình hành động số 89-CTr/TU ngày 25/02/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

<sup>19</sup> Chỉ tiêu khung Kế hoạch hành động: 70 Doanh nghiệp

<sup>20</sup> Chỉ tiêu mới: Căn cứ Chương trình hành động số 89-CTr/TU ngày 25/02/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

<sup>21</sup> Chỉ tiêu mới: Căn cứ Chương trình hành động số 89-CTr/TU ngày 25/02/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

<sup>22</sup> Chỉ tiêu mới: Căn cứ Chương trình hành động số 89-CTr/TU ngày 25/02/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

- Mỗi năm có  $\geq 40$  công trình khoa học và công nghệ cấp thành phố được nghiệm thu.
- Mỗi năm có  $\geq 50$  nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố triển khai.
- Có  $\geq 60\%$  kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.
- Mỗi năm có  $\geq 40$  đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).
- Có  $\geq 25\%$  doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.
- Mỗi năm có  $\geq 150$  bài báo khoa học (Scopus/ISI) có địa chỉ tác giả tại thành phố.
- Mỗi năm có  $\geq 3$  công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực.
- Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh, giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng sống của người dân.

*d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo*

- Có  $\geq 400$  doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo<sup>23</sup>.
- Có  $\geq 7$  vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.
- Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) hàng năm của Thành phố giữ vững Top đầu cả nước, đạt Top 3 toàn quốc trở lên<sup>24</sup>.
- Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt  $>40\%$  trong tổng số doanh nghiệp<sup>25</sup>. Có  $\geq 30\%$  doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.
- Mỗi năm có  $\geq 60$  sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.
- Mỗi năm có  $\geq 30$  dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách thành phố.
- Mỗi năm có  $\geq 20$  sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại thành phố.
- Mỗi năm có  $\geq 300$  bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.
- Có  $\geq 25\%$  doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.
- Mỗi năm có  $\geq 70$  sáng kiến trong khu vực công được công nhận.
- Đầu tư xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo vùng tại Thành phố Hải Phòng.<sup>26</sup>

<sup>23</sup> Chỉ tiêu khung Kế hoạch hành động: 150 Doanh nghiệp

<sup>24</sup> Chỉ tiêu mới: Căn cứ Chương trình hành động số 89-CTr/TU ngày 25/02/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

<sup>25</sup> Chỉ tiêu mới: Căn cứ Chương trình hành động số 89-CTr/TU ngày 25/02/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

<sup>26</sup> Chỉ tiêu mới: Kết luận số 96-KL/TW ngày 30/9/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 45-

- Nghiên cứu, đầu tư xây dựng Công viên khoa học và đổi mới sáng tạo (Science and Innovation Park).<sup>27</sup>

- Thành phố phân đầu lot top từ 200 đến 300 thành phố có chỉ số hệ sinh thái khởi nghiệp toàn cầu hoặc phân đầu lot top 3 cả nước về thành phố có hệ sinh thái khởi nghiệp toàn cầu.

*e) Phát triển chuyển đổi số*

- Chỉ số chuyển đổi số thành phố  $\geq 0,8$ <sup>28</sup>.

- Có 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và thành phố, giữa các cấp chính quyền.

- 100% giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

- Có  $\geq 85\%$  hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- Có  $\geq 70\%$  hệ thống thông tin của thành phố vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.

- Có  $\geq 80\%$  cơ sở dữ liệu của thành phố được số hóa & liên thông tới Trung ương.

- Có  $\geq 85\%$  dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý<sup>29</sup>.

- Có  $\geq 60\%$  doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.

- Có  $\geq 85\%$  người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID), tỷ lệ người dân có chữ ký số  $\geq 10\%$ .

- Quy mô kinh tế số đạt 35% GRDP<sup>30</sup>. Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 30%<sup>31</sup>.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử.

---

NQ/TW, ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

<sup>27</sup> Chỉ tiêu mới: Căn cứ đề xuất: Quyết định 1516/QĐ-TTg ngày 02/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2025

<sup>28</sup> Chỉ tiêu khung Kế hoạch hành động: 0.75

<sup>29</sup> Chỉ tiêu mới: Căn cứ Chương trình hành động số 89-CTr/TU ngày 25/02/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

<sup>30</sup> Chỉ tiêu khung Kế hoạch hành động: 30%. Căn cứ đề xuất: Quyết định 1516/QĐ-TTg ngày 02/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2025.

<sup>31</sup> Chỉ tiêu mới: Căn cứ Chương trình hành động số 89-CTr/TU ngày 25/02/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

- Chuyển đổi số hệ thống thông tin cơ sở của thành phố<sup>32</sup>.
- Nghiên cứu, đầu tư xây dựng Trung tâm điều hành thông minh thành phố đóng vai trò như “bộ não số” của thành phố<sup>33</sup>.
- Nghiên cứu, đầu tư xây dựng Trung tâm kiểm soát an toàn thông tin mạng; hệ thống phòng chống mã độc tập trung thành phố<sup>34</sup>.
- Nghiên cứu, đầu tư xây dựng Trung tâm tính toán thông minh của thành phố/ Trung tâm tính toán hiệu năng cao (HPC) và Trung tâm Dữ liệu (Data Center) hiện đại, đạt chuẩn quốc tế.

### **2.3. Đến hết năm 2035**

#### *a) Phát triển hạ tầng*

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 50%.
- Tỷ lệ phủ sóng 6G trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, cảng biển, cảng hàng không đạt 100%<sup>35</sup>.

#### *b) Phát triển nguồn lực*

- Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GRDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm hơn 60%; đạt 3% tổng chi ngân sách thành phố hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.
- 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.
- 95% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.
- Có từ 20 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.
- Có 100% cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên;
- Có  $\geq 95\%$  đối với các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên;
- Có  $\geq 95\%$  cơ sở giáo dục trung học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên.

<sup>32</sup> Chỉ tiêu bổ sung: Căn cứ Quyết định 1639/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

<sup>33</sup> Trung ương giao là năm 2035.

<sup>34</sup> Chỉ tiêu bổ sung: Căn cứ Quyết định 1516/QĐ-TTg ngày 02/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

<sup>35</sup> Chỉ tiêu bổ sung.

*c) Phát triển khoa học, công nghệ*

- Có  $\geq 1.200$  cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn thành phố.
- Có  $\geq 250$  doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố<sup>36</sup>.
- Có  $\geq 8$  tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc thành phố.
- Mỗi năm có  $\geq 80$  công trình khoa học và công nghệ cấp thành phố được nghiệm thu.
- Mỗi năm có  $\geq 80$  nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố triển khai.
- Có  $\geq 75\%$  kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn trong vòng 12 tháng sau khi nghiệm thu.
- Mỗi năm có  $\geq 80$  đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).
- Có  $\geq 40\%$  tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.
- Mỗi năm có  $\geq 300$  bài báo khoa học (Scopus/ISI) có địa chỉ tác giả tại thành phố.
- Mỗi năm có  $\geq 5$  công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực.
- Làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano; ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

*d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo*

- Có  $\geq 500$  doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo<sup>37</sup>.
- Có  $\geq 12$  vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.
- Có  $\geq 50\%$  doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.
- Mỗi năm có  $\geq 150$  sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.
- Mỗi năm có  $\geq 60$  dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách thành phố.
- Mỗi năm có  $\geq 50$  sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại thành phố.
- Mỗi năm có  $\geq 700$  bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.
- Có  $\geq 40\%$  doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.
- Mỗi năm có  $\geq 120$  sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

<sup>36</sup> Chi tiêu khung Kế hoạch hành động: 150 Doanh nghiệp

<sup>37</sup> Chi tiêu khung Kế hoạch hành động: 300 Doanh nghiệp.

*e) Phát triển chuyển đổi số*

- Chỉ số chuyển đổi số thành phố  $\geq 0,85$ .
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- Có  $\geq 95\%$  hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Có  $\geq 90\%$  hệ thống thông tin của thành phố vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.
- 100% cơ sở dữ liệu của thành phố được số hóa & liên thông với Trung ương.
- 100% dữ liệu của các sở, ngành được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP.
- Có  $\geq 85\%$  doanh nghiệp vừa và nhỏ thành phố ứng dụng công nghệ số.
- Có  $\geq 95\%$  người dân có tài khoản định danh điện tử, tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số đạt 20%.
- Trung tâm điều hành thông minh của thành phố vận hành hiệu quả, đóng vai trò là “bộ não số” của thành phố, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công<sup>38</sup>.
- 100% đảng ủy, chính quyền, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.
- Nghiên cứu, đầu tư xây dựng khu Công nghệ thông tin tập trung thành phố<sup>39</sup>.
- Quy mô kinh tế số đạt 45 - 50% GRDP<sup>40</sup>.

## **2.4. Đến hết năm 2040**

*a) Phát triển hạ tầng*

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 80%.

*b) Phát triển nguồn lực*

- Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GRDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm hơn 60%; đạt trên 3% tổng chi ngân sách thành phố hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.
- 97% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm,

<sup>38</sup> Trung ương đề ra nhiệm vụ vào năm 2040; thành phố đặt ra mục tiêu hoàn thành xây dựng Trung tâm điều hành thông minh vào năm 2030

<sup>39</sup> Chi tiêu bổ sung

<sup>40</sup> Chi tiêu khung Kế hoạch hành động: 40%

giao thông.

- Có từ 33 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

- Thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ hàng đầu, hình thành “cụm chuyên gia”.

- 80% - 90% dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...).

- Có 100% đối với các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên.

- Có 100% các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo vào các môn học và hoạt động giáo dục.

- Có 100% cơ sở giáo dục trung học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên.

#### *c) Phát triển khoa học, công nghệ*

- Có  $\geq 2.000$  cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn thành phố.

- Có  $\geq 300$  doanh nghiệp<sup>41</sup> khoa học và công nghệ, trong số đó có 10% doanh nghiệp công nghệ số nội địa vươn tầm khu vực, một số doanh nghiệp làm chủ công nghệ lõi.

- Có  $\geq 10$  tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc thành phố.

- Mỗi năm có  $\geq 120$  công trình khoa học và công nghệ cấp thành phố được nghiệm thu.

- Mỗi năm có  $\geq 120$  nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố triển khai.

- Có  $\geq 85\%$  kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.

- Mỗi năm có  $\geq 120$  đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).

- Có  $\geq 60\%$  doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.

- Mỗi năm có  $\geq 500$  bài báo khoa học (Scopus/ISI) có địa chỉ tác giả tại thành phố.

- Mỗi năm có  $\geq 8$  công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực.

- Có 15 - 20 trung tâm nghiên cứu, phát triển trọng điểm ở thành phố, thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư.

---

<sup>41</sup> Chi tiêu khung Kế hoạch hành động: 250 Doanh nghiệp

- Có 7 - 10 trung tâm nghiên cứu và phát triển hoặc đổi mới sáng tạo của thành phố đạt uy tín trong nước, kết nối quốc tế.

- Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

*d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo*

- Có  $\geq 1000$  doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo<sup>42</sup>.

- Mỗi năm có 100 - 120 dự án khởi nghiệp sáng tạo<sup>43</sup>.

- Có  $\geq 18$  vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Có  $\geq 70\%$  doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

- Có 15-20 trung tâm đổi mới sáng tạo trọng điểm ở thành phố, thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư.

- Mỗi năm có  $\geq 300$  sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.

- Mỗi năm có  $\geq 100$  dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách thành phố.

- Mỗi năm có  $\geq 100$  sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại thành phố.

- Mỗi năm có  $\geq 1200$  bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.

- Có  $\geq 60\%$  doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.

- Mỗi năm có  $\geq 180$  sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

- Đầu tư xây dựng các trung tâm nghiên cứu và phát triển, nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao ở các khu vực như Bắc Sông Cấm, Nam Đình Vũ, Văn Úc, Tiên Lãng<sup>44</sup>.

*e) Phát triển chuyển đổi số*

- Chỉ số chuyển đổi số thành phố  $\geq 0,92$ .

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- 100% hệ thống thông tin của thành phố vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.

- 100% cơ sở dữ liệu của thành phố được số hóa & liên thông với Trung ương.

- 100% dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.

- Có  $\geq 95\%$  doanh nghiệp vừa và nhỏ thành phố ứng dụng công nghệ số.

<sup>42</sup> Chỉ tiêu khung Kế hoạch hành động: 500 Doanh nghiệp

<sup>43</sup> Chỉ tiêu khung Kế hoạch hành động: 50 đến 60 dự án

<sup>44</sup> Chỉ tiêu bổ sung: Căn cứ Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050

- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử, tỷ lệ người dân có chữ ký số đạt 30%.
- 100% đảng ủy, chính quyền cấp xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.
- Duy trì/nâng cấp Trung tâm điều hành thông minh thành phố đóng vai trò thực sự là “bộ não số” của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực<sup>45</sup>.
- Nghiên cứu, đầu tư xây dựng mới khu vực công nghiệp công nghệ thông tin (công nghiệp ICT) ở Nam Đình Vũ, Kiến Thụy, Tiên Lãng.<sup>46</sup>
- Kinh tế số đạt 50 - 55%<sup>47</sup> GRDP.

## **2.5. Đến hết năm 2045**

### *a) Phát triển hạ tầng*

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 100%.

### *b) Phát triển nguồn lực*

- *Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GRDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm hơn 60%; đạt trên 3.5% tổng chi ngân sách thành phố hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số<sup>48</sup>.*
- 100% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.
- Có  $\geq 90\%$  dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...).
- Có từ 54 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.
- Thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ hàng đầu, hình thành “cụm chuyên gia”.
- c) Phát triển khoa học, công nghệ*
- Có  $\geq 3.000$  cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn thành phố.

<sup>45</sup> Mục tiêu này Trung ương đặt ra đến năm 2045; thành phố Hải Phòng hoàn thành xây dựng vào năm 2030, vận hành hiệu quả vào năm 2035, nâng cấp vào năm 2040, hoàn thành sớm hơn 5 năm so với khung Kế hoạch hành động.

<sup>46</sup> Chi tiêu bổ sung: Căn cứ Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050

<sup>47</sup> Chi tiêu khung Kế hoạch hành động: 45%

<sup>48</sup> Chi tiêu điều chỉnh, cao hơn khung Kế hoạch hành động

- Có  $\geq 400$  doanh nghiệp khoa học và công nghệ; tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số tương đương các nước phát triển 1/1000 doanh nghiệp; có từ 02 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm nước tiên tiến<sup>49</sup>.

- Có  $\geq 12$  tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc thành phố; thu hút thêm 3 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Hải Phòng<sup>50</sup>.

- Mỗi năm có  $\geq 160$  công trình khoa học và công nghệ cấp thành phố được nghiệm thu.

- Mỗi năm có  $\geq 160$  nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố triển khai.

- Có  $\geq 95\%$  kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.

- Mỗi năm có  $\geq 180$  đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).

- Có  $\geq 80\%$  doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.

- Mỗi năm có  $\geq 800$  bài báo khoa học (Scopus/ISI) có địa chỉ tác giả tại thành phố.

- Mỗi năm có  $\geq 10$  công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực.

- Thành phố có khả năng thu hút nhiều chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu thế giới, tạo ra sản phẩm, dịch vụ công nghệ mang thương hiệu toàn cầu.

#### *d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo*

- Có  $\geq 1500$  doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo<sup>51</sup>.

- Mỗi năm có 150 - 200 dự án khởi nghiệp sáng tạo<sup>52</sup>.

- Có  $\geq 25$  vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Có  $\geq 90\%$  doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

<sup>49</sup> Chỉ tiêu mới: Căn cứ Chương trình hành động số 89-CTr/TU ngày 25/02/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

<sup>50</sup> Chỉ tiêu mới: Căn cứ Chương trình hành động số 89-CTr/TU ngày 25/02/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

<sup>51</sup> Chỉ tiêu khung Kế hoạch hành động: 800 Doanh nghiệp

<sup>52</sup> Chỉ tiêu khung Kế hoạch hành động: 50-70 dự án

- Mỗi năm có  $\geq 500$  sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.
- Mỗi năm  $\geq 150$  dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách thành phố.
- Mỗi năm có  $\geq 200$  sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại thành phố.
- Mỗi năm có  $\geq 1800$  bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.
- Có  $\geq 80\%$  doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.
- Mỗi năm có  $\geq 250$  sáng kiến trong khu vực công được công nhận.
- Là một trong những trung tâm công nghệ số của đất nước, thuộc Top 3 toàn quốc về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; phân đầu lot Top 100 thành phố có chỉ số hệ sinh thái đổi mới sáng tạo toàn cầu<sup>53</sup>.

*e) Phát triển chuyển đổi số*

- Chỉ số chuyển đổi số thành phố đạt 1,0.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- 100% hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.
- 100% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương.
- 100% dữ liệu của các sở, ban, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.
- 100% doanh nghiệp vừa và nhỏ của thành phố ứng dụng công nghệ số.
- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID), tỷ lệ người dân có chữ ký số đạt 40%.
- Ứng dụng AI, IoT và Big Data ở mức độ cao trong hệ thống đảng số, chính quyền số giúp xây dựng các hệ thống quản trị thông minh, tự động hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực, tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và dịch vụ công.
- Các đô thị vận hành dựa trên dữ liệu, quản trị thông minh, giảm phát thải, sử dụng năng lượng xanh.

<sup>53</sup> Chỉ tiêu mới: Căn cứ Chương trình hành động số 89-CTr/TU ngày 25/02/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

- Dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội đạt chuẩn tiên tiến, người dân hưởng thụ môi trường sống hiện đại, an toàn, tiện ích.
- Hội nhập sâu với mạng lưới đô thị thông minh toàn cầu, là điểm đến của hợp tác quốc tế về công nghệ, nghiên cứu, du lịch.
- Là đầu tàu về công nghệ mũi nhọn (AI, robot, vật liệu mới, sinh học...), sở hữu công trình nghiên cứu tầm vóc, ứng dụng rộng rãi.
- Kinh tế số đạt 60% GRDP<sup>54</sup>; các ngành đều có khả năng cạnh tranh, xuất khẩu dịch vụ số, sản phẩm công nghệ cao.
- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức cao, hướng tới phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh thành phố.

#### **IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

##### **1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

1.1. Kiện toàn Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo thành phố và Hội đồng tư vấn thành phố về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; có cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp; bố trí cán bộ có trình độ, năng lực về khoa học, kỹ thuật vào cấp ủy các cấp.

1.2. Ban hành kế hoạch, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, phân công rõ trách nhiệm cho các sở, ngành, cấp cơ sở.

1.3. Lồng ghép các nội dung trong Nghị quyết số 57-NQ/TW vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của thành phố.

1.4. Ban Chỉ đạo thành phố chỉ đạo rà soát, mời các chuyên gia, các nhà khoa học, nhà quản lý có uy tín trong và ngoài nước tham gia vào Hội đồng Tư vấn để tham mưu cho Ban Chỉ đạo kịp thời, hiệu quả.

1.5. Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp; tăng cường sự vào cuộc của các sở, ban, ngành; giao trách nhiệm, lộ trình cụ thể trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố.

##### **2. Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị, thông tin, truyền thông**

2.1. Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân.

- Nội dung quán triệt cần tập trung vào các vấn đề cốt lõi của Nghị quyết số 57-NQ/TW, gắn với thực tiễn của thành phố.

- Hình thức quán triệt cần đa dạng, phong phú (hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, tài liệu, video...) cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; phổ biến

<sup>54</sup> Chi tiêu khung Kế hoạch hành động: 50%

đến cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động thông tin, tuyên truyền.

- Xây dựng tài liệu, cẩm nang về khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số dưới dạng dễ tiếp cận (video clip, infographic, mạng xã hội...).

- Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tham gia chia sẻ, trao đổi.

2.2. Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, chi tiết, phân công rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ kết quả và rõ trách nhiệm; xác định thời hạn hoàn thành và chỉ tiêu đánh giá với các mục tiêu, cụ thể cho từng giai đoạn 5 năm (năm 2025 đến năm 2030, 2035, 2040, 2045); xác định rõ nguồn lực thực hiện (nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất...).

2.3. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Đưa kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW vào tiêu chí đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng cán bộ, công chức.

2.4. Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Huy động Báo và Phát thanh, truyền hình Hải Phòng, Cổng thông tin điện tử thành phố, trang thông tin các sở, ban, ngành... để phổ biến lợi ích của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đa dạng hóa hình thức truyền thông (báo chí, truyền hình, phát thanh, mạng xã hội...).

- Xây dựng kênh truyền thông chuyên biệt (cổng thông tin, bản tin, chuyên mục truyền hình địa phương...) về khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; xây dựng chương trình truyền thông riêng cho từng đối tượng (cán bộ lãnh đạo, chuyên viên, doanh nghiệp, người dân...).

- Triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số”, phổ cập, nâng cao tri thức số, tri thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trên địa bàn.

- Vận động Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, hiệp hội doanh nghiệp tham gia tuyên truyền; lồng ghép với phong trào thi đua yêu nước, khởi nghiệp sáng tạo.

- Khởi dậy các phong trào thi đua, mở rộng, đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng đối với các chuyên gia, nhà khoa học, nhà sáng chế, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các mô hình tiêu biểu, điển hình trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố.

2.5. Xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số.

- Ban hành quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức.
- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp.

### **3. Hoàn thiện thể chế, chính sách tạo đột phá, đảm bảo nguồn lực**

3.1. Kịp thời cụ thể hóa, triển khai các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc thẩm quyền của thành phố ngay khi Trung ương hoàn thiện thể chế theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW.

3.2. Tập trung đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin tại các khu vực đô thị, trung tâm thương mại, khu chức năng, nhà ga, cảng biển, cảng hàng không, khu du lịch trên địa bàn thành phố. Xây dựng các khu công nghiệp công nghệ cao/khu công nghiệp kiểu mẫu về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

3.3. Rà soát, đánh giá, bổ sung chính sách hỗ trợ đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp của thành phố tiếp cận các thị trường trong và ngoài nước. Khuyến khích thành lập các Trung tâm đổi mới sáng tạo tại các khu cụm công nghiệp của thành phố.

3.4. Xây dựng quy hoạch, chiến lược, quy hoạch và các kế hoạch cụ thể để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của thành phố giai đoạn 2025 - 2045, đồng bộ với quy hoạch thành phố có tầm nhìn tới 2045, tập trung cả hệ thống chính trị để thực hiện thành công các quy hoạch, chiến lược, kế hoạch, biến tiềm năng thành hiện thực trong thời gian sớm nhất.

3.5. Triển khai thực hiện cơ chế chính sách đặc thù về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo theo Nghị quyết số 226/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng. Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, thực hiện các chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ tài chính cho các dự án nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao để thúc đẩy các lĩnh vực ưu tiên, thu hút tài năng, doanh nghiệp công nghệ cao, thúc đẩy R&D, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao. Xây dựng cơ chế hỗ trợ cho việc nghiên cứu, đăng tải các bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế có uy tín, việc đăng ký và công nhận sáng chế hữu ích, gắn với phát triển thành phố. Có cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về làm việc, sinh sống tại các cơ quan đảng, nhà nước, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và các doanh nghiệp trên địa bàn. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút vốn đầu tư tư nhân; đổi mới phương thức đầu tư PPP cho các dự án hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu. Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển lĩnh vực công nghiệp văn hóa, công nghiệp văn hóa số, xây dựng sản phẩm du lịch số, hệ sinh thái du lịch thông minh.

3.6. Tạo cơ chế tạo điều kiện chuyển giao công nghệ, sẵn sàng thử nghiệm các công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới (sandbox), có kiểm soát rủi ro; cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp công

nghệ số.

3.7. Đầu tư, nâng cao năng lực và vận hành Quỹ phát triển khoa học-công nghệ của thành phố; xây dựng quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo, quỹ đầu tư khởi nghiệp (nếu đủ điều kiện); ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ trọng điểm, dự án chuyển đổi số, đồng thời kêu gọi xã hội hóa (hợp tác công-tư, quỹ đầu tư mạo hiểm...).

3.8. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp, viện, trường; rà soát, cắt giảm các thủ tục không cần thiết; ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp công nghệ, startup tiếp cận đất đai, vốn, nhân lực.

3.9. Tập trung thúc đẩy khai thác, triển khai, kết nối, hợp tác hiệu quả; tăng cường thu hút các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư cho nghiên cứu, sản xuất và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại thành phố; xem xét, ưu tiên các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở trên địa bàn thành phố.

3.10. Bố trí đủ nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch hành động. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu, quy định; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội.

3.11. Xây dựng các dự án đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn 2026 - 2030 và các giai đoạn tiếp theo.

3.12. Thành lập và vận hành Quỹ đầu tư mạo hiểm tại thành phố theo Nghị quyết số 226/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng.

#### **4. Xây dựng chiến lược phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số**

- Từ năm 2025, thành phố Hải Phòng phấn đấu đạt top 3 địa phương của cả nước về chỉ số chuyển đổi số (Digital Transformation Index – DTI)<sup>55</sup>.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược tổng thể 10 năm đầu tư phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh, có tính dự phòng.

- Lồng ghép chiến lược tổng thể phát triển hạ tầng số vào quy hoạch tổng thể của thành phố.

- Ưu tiên phát triển hạ tầng số trong các ngành trọng điểm của thành phố như công nghiệp công nghệ cao - cảng biển - logistic và trong các khu vực trọng điểm (khu công nghiệp, khu công nghệ cao, đô thị thông minh...), có tính kết nối, liên thông; thúc đẩy kết nối, chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn;

<sup>55</sup> Chi tiêu bổ sung

lồng ghép các nội dung phát triển hạ tầng số vào quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

- Mở rộng phủ sóng băng thông rộng (4G, 5G, cáp quang) nâng cấp đường truyền cho cơ quan đảng, nhà nước, trường học, bệnh viện; ưu tiên phủ sóng cho 100% khu công nghiệp, khu kinh tế, cảng biển, cảng hàng không, khu du lịch, các trung tâm thương mại.

- Xây dựng (hoặc thuê dịch vụ) trung tâm dữ liệu và hệ thống tính toán hiệu năng cao (nếu có quy mô đủ lớn); xây dựng quy chế về chia sẻ hạ tầng số; xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm khởi nghiệp và khu công nghệ cao.

- Công bố danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố; xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu trong danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung đã ban hành. Cung cấp 100% dữ liệu mở theo kế hoạch đã ban hành.

- Đưa các hoạt động của cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường mạng, hướng tới hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch; công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến, dựa trên dữ liệu đồng bộ, liên thông.

- Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững. Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực văn hóa, trong quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá tạo nền tảng để phát triển du lịch thành ngành kinh tế quan trọng của thành phố.

## **5. Xây dựng chiến lược tổng thể 10 năm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển**

### ***5.1. Chiến lược hình thành và phát triển trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển của thành phố***

- Xây dựng hoặc nâng cấp các cơ sở nghiên cứu, vườn ươm khởi nghiệp, không gian sáng tạo; thu hút đầu tư từ doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu. Đầu tư nâng cấp Trung tâm Phát triển khoa học-công nghệ và Đổi mới sáng tạo thành Trung tâm có quy mô vùng về hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo.

- Tạo điều kiện kết nối viện - trường - doanh nghiệp, thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống.

### ***5.2. Chiến lược khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nguồn (spin-off) về khoa học và công nghệ***

- Hỗ trợ thủ tục pháp lý, văn phòng làm việc, đào tạo kỹ năng quản trị, marketing, gọi vốn...

- Kết nối quỹ đầu tư, nhà đầu tư thiên thần, cộng đồng cổ vấn cho các dự án khởi nghiệp tại thành phố.

### ***5.3. Chiến lược nâng cao năng lực nghiên cứu***

- Ưu tiên các nhiệm vụ khoa học, công nghệ giải quyết vấn đề bức thiết, phát triển kinh tế - xã hội thành phố (kinh tế biển, công nghiệp - công nghệ cao, logistic, du lịch, chế biến nông sản, bảo vệ môi trường, y tế, giáo dục...).

- Tăng cường phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu trung ương, quốc tế; thúc đẩy công bố khoa học, đăng ký sở hữu trí tuệ.

## **6. Xây dựng chiến lược giai đoạn 5 năm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao**

### ***6.1. Chiến lược đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao***

- Xác định rõ nhu cầu nhân lực của từng lĩnh vực; xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu, chất lượng cao; có chính sách ưu đãi để thu hút, giữ chân nhân tài.

- Cụ thể hóa các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số, kiến thức chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp...

### ***6.2. Chiến lược bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức***

- Xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng số (quản trị dữ liệu, sử dụng nền tảng số...) cho lãnh đạo các cấp; tổ chức các lớp tập huấn định kỳ.

- Tích hợp, lồng ghép nội dung chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong chương trình đào tạo chính quy, bồi dưỡng cán bộ; liên kết với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức quốc tế để xây dựng chương trình thực hành, trao đổi chuyên gia, du học, thực tập...

### ***6.3. Chiến lược đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề của thành phố, gắn với nhu cầu thực tế của thị trường***

- Có giải pháp, lộ trình tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhất là ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực trọng điểm, có tính lan tỏa, tạo ra giá trị gia tăng cao.

- Tăng cường đào tạo về kỹ năng số, kiến thức về công nghệ mới; khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo; triển khai mô hình trường học thông minh, lớp học ảo, học liệu số; tạo điều kiện để học sinh, sinh viên tiếp cận công nghệ sớm.

- Khuyến khích các đề tài khoa học sinh viên, thúc đẩy phong trào nghiên cứu, khởi nghiệp trong môi trường đại học, cao đẳng, giáo dục nghề.

### ***6.4. Chiến lược tăng cường hợp tác trong đào tạo nhân lực***

- Thúc đẩy hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước; đổi mới chương trình đào tạo, hiện đại hoá phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo,...

- Tạo điều kiện cho sinh viên, giảng viên thực tập, nghiên cứu tại doanh nghiệp.

- Mời các chuyên gia, doanh nhân tham gia giảng dạy.

### ***6.5. Chiến lược xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành***

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của thành phố kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, thống nhất toàn quốc về nhân lực khoa học công, nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tăng cường kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo nên hệ sinh thái dữ liệu mở, thông minh và an toàn.

### ***6.6. Chiến lược thu hút nhân tài, chuyên gia***

- Tạo môi trường làm việc thông thoáng, văn minh, ban hành chính sách đãi ngộ, hỗ trợ (nhà ở, lương thưởng, môi trường nghiên cứu và phát triển,...) để thu hút chuyên gia công nghệ cao, nhà khoa học giỏi đến làm việc.

- Thiết lập mạng lưới chuyên gia, hiệp hội trí thức người thành phố Hải Phòng ở trong và ngoài nước, kết nối tri thức phục vụ quê hương.

## ***7. Xây dựng chiến lược chuyển đổi số, kinh tế số thành phố***

### ***7.1. Chiến lược từng giai đoạn 5 năm thực hiện Chương trình chuyển đổi số của thành phố và Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng***

- Phát triển các nền tảng số dùng chung, cơ sở dữ liệu số dùng chung, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị tại thành phố, đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, tái cấu trúc, số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ dựa trên công nghệ số.

- Ưu tiên sử dụng các ứng dụng, nền tảng số đã được Trung ương đầu tư, bảo đảm đồng bộ, tiết kiệm nguồn lực; đồng thời khai thác hiệu quả hạ tầng dùng chung, tránh phát sinh trùng lặp trong xây dựng và triển khai các hệ thống số tại thành phố.

- Tăng cường kết nối, chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số giữa thành phố với Trung ương.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định.

- Khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng số.

- Triển khai hiệu quả Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng theo Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 19/11/2024 của Ban Bí thư góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành của cấp uỷ các cấp và hoạt động của các cơ quan đảng,

đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong Đảng.

### ***7.2. Chiến lược từng giai đoạn 5 năm triển khai các nền tảng số***

- Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp...) trên nền tảng chung, tích hợp với AI, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu.
- Nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số; xây dựng Trung tâm điều hành thông minh thành phố, kết nối đến cấp cơ sở.
- Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: du lịch, nông nghiệp, sản xuất, logistics, thương mại điện tử, giáo dục-y tế, đô thị, môi trường...
- Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa bàn thành phố, phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

### ***7.3. Xây dựng chiến lược từng giai đoạn 5 năm, các chương trình, đề án cụ thể***

- Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...).
- Phát triển nền tảng kết nối doanh nghiệp - nhà cung cấp giải pháp công nghệ, tổ chức hội chợ, hội thảo công nghệ; tạo môi trường chia sẻ kiến thức.
- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu.
- Xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm chủ lực, áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, IoT, blockchain trong nông nghiệp, chế biến...
- Triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) để dự báo, đánh giá thị trường, nâng cao hiệu quả marketing.
- Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ của thành phố đầu tư ra nước ngoài; thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước về công nghệ cao khởi nghiệp, đầu tư tại thành phố Hải Phòng

- Đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số của thành phố.

## **8. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số**

**8.1. Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.**

### **8.2. Tăng cường an ninh mạng**

- Xây dựng Trung tâm kiểm soát an toàn thông tin mạng, hệ thống phòng chống mã độc tập trung thành phố.

- Xây dựng đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố.

- Ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng.

- Định kỳ kiểm tra, diễn tập phòng chống tấn công mạng.

- Tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng.

- Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố.

### **8.3. Cụ thể hóa các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng**

- Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố, trong đó xác định rõ đầu mối phối hợp với các cơ quan Trung ương (Văn phòng Trung ương Đảng, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu Chính phủ), có kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống để bảo đảm an ninh, an toàn.

- Khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

- Nghiên cứu, đánh giá và ưu tiên sử dụng giải pháp, sản phẩm an toàn thông tin “Made in Việt Nam”.

## **9. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế**

**9.1. Hợp tác với địa phương lân cận, vùng kinh tế, doanh nghiệp, nhà khoa học**

- Tăng cường liên kết, hợp tác với các thành phố, thành phố lân cận trong và ngoài khu vực để thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết (chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nhân lực, xây dựng hạ tầng, nền tảng số dùng chung...), phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo.

- Tổ chức hội nghị, diễn đàn thường niên về chuyển đổi số, khoa học, công nghệ cấp vùng. Thúc đẩy các chương trình nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược.

- Tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội nghị kết nối giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp.

## **9.2. Hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài**

- Khuyến khích hợp tác, kết nối với các tổ chức, quỹ đầu tư và doanh nghiệp công nghệ quốc tế; thúc đẩy chuyển giao công nghệ cao.
- Tăng cường tham gia các sự kiện, hội chợ công nghệ toàn cầu; xây dựng thương hiệu thành phố về đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ.
- Chủ động tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Chủ động xây dựng và triển khai các sáng kiến hợp tác quốc tế thiết thực; tăng cường đàm phán, ký kết và thực hiện hiệu quả các thỏa thuận hợp tác song phương và đa phương.
- Đẩy mạnh các hoạt động kết nối doanh nghiệp, giao lưu đoàn, xúc tiến đầu tư với trọng tâm là khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Đẩy mạnh kết nối và phát triển mạng lưới hợp tác quốc tế với các tổ chức, địa phương và doanh nghiệp nước ngoài, trọng tâm là các đối tác có ưu thế về công nghệ và tiềm lực đổi mới sáng tạo. Ưu tiên thiết lập quan hệ với các quốc gia phát triển và các tập đoàn công nghệ lớn để thu hút nguồn lực đầu tư, tiếp nhận chuyển giao công nghệ hiện đại, đặc biệt trong các lĩnh vực như công nghệ cao, điện tử, năng lượng tái tạo, công nghệ sinh học và môi trường bền vững.
- Khuyến khích doanh nghiệp thành phố thiết lập quan hệ hợp tác với đối tác quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường, nâng cao năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tăng cường kết nối, xúc tiến hợp tác với các tập đoàn nước ngoài trong lĩnh vực tư vấn, môi giới và chuyển giao công nghệ.
- Tạo môi trường thuận lợi cho các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước đến thành phố làm việc, hợp tác.
- Hỗ trợ các cơ sở nghiên cứu, trường đại học trên địa bàn mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo; thúc đẩy thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia vào các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố. Thúc đẩy hợp tác quốc tế hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của thành phố, đặc biệt trong các lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

## **10. Giám sát, đánh giá và tuyên truyền**

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch hành động, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Kịp thời có các điều chỉnh về cơ chế, chính sách, văn bản quy định khi phát hiện ra các dấu hiệu có thể không đạt được các mục tiêu, yêu cầu

đã đặt ra. Ban hành quy chế, xây dựng cơ chế giám sát, thành lập đoàn kiểm tra định kỳ, báo cáo kết quả theo tháng, quý, 6 tháng, 1 năm. Thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí; tạo cơ chế tự chủ hơn cho tổ chức phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò, kết quả của việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Trách nhiệm của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố**

- Chỉ đạo chung: Lãnh đạo, điều hành thống nhất việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; ban hành các chiến lược, đơn đốc, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương để bảo đảm tiến độ, chất lượng thực hiện Kế hoạch hành động.

- Tham mưu cho Ban Thường vụ Thành ủy: Kịp thời đề xuất, tham mưu về chính sách, giải pháp thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số khi có khó khăn, vướng mắc; báo cáo tiến độ định kỳ hoặc đột xuất.

- Kiểm tra, giám sát, đôn đốc: Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm hoặc đột xuất tại các sở, ban, ngành, địa phương; chỉ đạo xử lý kịp thời những sai sót, chậm trễ.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết: Hướng dẫn, tổng hợp, đánh giá kết quả sau mỗi giai đoạn (hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, hằng năm, giữa nhiệm kỳ, cuối nhiệm kỳ), báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy và Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương khi có yêu cầu.

### **2. Trách nhiệm của Thường trực Thành ủy**

- Chỉ đạo, định hướng chung: Thường trực Thành ủy trực tiếp chỉ đạo Ban Chỉ đạo, Ủy ban nhân dân thành phố, các ban đảng, các cấp ủy trực thuộc trong việc quán triệt, triển khai hiệu quả Kế hoạch hành động; định kỳ hoặc đột xuất nghe Ban Chỉ đạo báo cáo về tiến độ, kết quả, những vấn đề phức tạp, đột xuất phát sinh liên quan đến triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Quyết định số 204-QĐ/TW của Ban Bí thư.

- Quyết định các vấn đề quan trọng: Chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp khi có sự thay đổi lớn về bối cảnh (chính sách, công nghệ, điều kiện kinh tế-xã hội...); xem xét, cho ý kiến về cơ chế đặc thù, chính sách

khuyến khích, cân đối nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm: Chỉ đạo các ban đảng (Ủy ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Ban Nội chính...) phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo để kiểm tra, giám sát; xử lý tập thể, cá nhân vi phạm hoặc trì trệ trong thực hiện Kế hoạch hành động.

- Trực tiếp chỉ đạo việc khen thưởng, biểu dương điển hình, xử lý sai phạm (nếu có) trong quá trình triển khai.

### **3. Trách nhiệm của các cấp ủy đảng trực thuộc**

- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; xây dựng Kế hoạch cụ thể phù hợp với đặc thù thành phố, địa phương, đơn vị dựa trên Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Thành ủy; quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW đến cán bộ, đảng viên, Nhân dân.

- Lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền cùng cấp (ủy ban nhân dân, hội đồng nhân dân) cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp tại địa bàn (phát triển hạ tầng số, huy động nguồn lực, đào tạo nhân lực...).

- Định kỳ báo cáo, phối hợp: Gửi báo cáo tiến độ, khó khăn, kiến nghị cho Ban Chỉ đạo thành phố; kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh; phối hợp với các đoàn kiểm tra, giám sát do Ban Chỉ đạo, các ban đảng cấp trên tiến hành.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết ở cấp cơ sở: Định kỳ hằng tháng, hằng quý, 6 tháng, hằng năm: Đánh giá kết quả thực hiện tại địa phương, đơn vị; biểu dương những điển hình tốt; đề xuất giải pháp mới.

- Tạo cơ chế khuyến khích đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp... tham gia tích cực vào các phong trào đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

### **4. Trách nhiệm của Văn phòng và các ban tham mưu của Thành ủy**

- Văn phòng Thành ủy: Thực hiện vai trò Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, kiện toàn tổ chức bộ máy đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng các chiến lược, kế hoạch để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố theo giai đoạn 10 năm, tầm nhìn đến năm 2045 trình Ban Chỉ đạo ban hành; phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố trong tổng hợp, theo dõi, kiểm tra tiến độ, báo cáo Ban Chỉ đạo theo quy chế làm việc của Thành ủy; bảo đảm thông tin kịp thời, thông suốt; Chủ trì tham mưu cho Ban Thường vụ Thành ủy chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng theo Quyết định số 204-QĐ/TW của Ban Bí thư.

- Ban Tổ chức Thành ủy: Tham mưu, đề xuất những giải pháp về công tác cán bộ để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tham mưu bố trí cán bộ có trình độ khoa học, kỹ thuật giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý, tham

gia vào cấp uỷ các cấp; phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực đảm bảo khả năng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan đảng các cấp.

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành uỷ: Chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo để quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW; hướng dẫn tuyên truyền nội bộ, trên báo chí, mạng xã hội.

- Ủy ban Kiểm tra Thành uỷ: Thực hiện kiểm tra, giám sát hằng năm đối với việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Thành uỷ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo quy định; đề xuất xử lý trách nhiệm các đơn vị, cá nhân chậm hoặc chưa triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan.

- Ban Nội chính Thành uỷ: Theo dõi, tổng hợp tình hình, nghiên cứu đề xuất giải pháp đấu tranh với sai phạm trong triển khai các dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố.

## **5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố**

- Cụ thể hóa nội dung Kế hoạch hành động: Căn cứ Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Thành uỷ thực hiện rà soát, điều chỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện từng giai đoạn 5 năm (trước mắt là giai đoạn 2025-2030), trong đó cụ thể nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo từng năm theo phương châm “6 rõ” (rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền); phân bổ ngân sách, huy động nguồn lực xã hội, bảo đảm tính khả thi khi thực hiện. Kế hoạch giai đoạn 2025-2030 yêu cầu hoàn thành, báo cáo Ban Thường vụ Thành uỷ trong tháng 8/2025.

- Tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo về những giải pháp, cơ chế, chính sách cần sửa đổi hoặc ban hành mới phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thường xuyên báo cáo Ban Chỉ đạo về kết quả triển khai, các khó khăn, vướng mắc; xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp dưới triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện; xử lý, tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; Chỉ đạo các địa phương kiện toàn và duy trì hoạt động hiệu quả của các “Tổ công nghệ số cộng đồng” để thực hiện “cầm tay chỉ việc”, hỗ trợ, giải đáp vướng mắc kịp thời cho cán bộ và người dân tại cơ sở.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích, huy động nguồn lực: Đề xuất, ban hành các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, nhân tài; khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển, khởi nghiệp công nghệ cao; hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa; ưu tiên ngân sách, khuyến khích đối tác công tư, quỹ đầu tư mạo hiểm... Tạo môi trường thuận lợi về thủ tục hành chính, pháp lý để tổ chức, cá nhân yên tâm tham gia đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ.

- Thực hiện chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết: Định kỳ hằng tháng, hằng quý, 6 tháng, hằng năm hoặc đột xuất, báo cáo Ban Chỉ đạo và Thường trực Thành ủy về kết quả triển khai, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả; chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết các chương trình, đề án theo từng giai đoạn; khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch nếu thấy cần thiết.

## **6. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố**

- Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và Nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Thành ủy.

- Phát động phong trào thi đua sáng tạo, khởi nghiệp; tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện.

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn thanh niên, các hội, hiệp hội... phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh... và các đối tượng có liên quan.

## **7. Cơ chế thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết**

- Thông tin, báo cáo: Các tổ chức đảng trực thuộc Thành ủy chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc thực hiện báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hành động theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo thành phố và hướng dẫn của Trung ương; Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố, Văn phòng Thành ủy và đảng ủy các xã, phường, đặc khu thường xuyên theo dõi, chủ động thực hiện cập nhật thông tin báo cáo trên Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Trung ương đảm bảo đúng tiến độ.

Các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban nhân dân, sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hành động theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo thành phố và hướng dẫn của Trung ương; Ban Chỉ đạo tổng hợp, báo cáo Thường trực Thành ủy, đồng thời gửi báo cáo về Ban Chỉ đạo Trung ương và cập nhật vào hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng dẫn của Trung ương.

- Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết: Hằng năm, Ban Chỉ đạo tổ chức kiểm tra liên ngành tại một số địa phương, đơn vị trọng điểm. Hằng năm, Ban Chỉ đạo phối hợp với các ban đảng, Ủy ban nhân dân sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm; có thể điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ nếu cần. Giữa và cuối nhiệm kỳ hoặc theo chu kỳ 2 năm, 5 năm, tổ chức sơ kết, tổng kết theo giai đoạn trên phạm vi toàn thành phố; biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu, đồng thời đề xuất phương hướng cho giai đoạn tiếp theo.

## 8. Kinh phí thực hiện và nguồn lực hỗ trợ

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch hành động được bố trí từ ngân sách (chi cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số...) và nguồn xã hội hóa hợp pháp khác (đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân).

- Khuyến khích các mô hình hợp tác công tư trong đầu tư hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu, phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng cơ chế linh hoạt, minh bạch, công khai trong quản lý, sử dụng kinh phí; tăng cường kiểm tra, giám sát để tránh lãng phí, tiêu cực.

(Có Phụ lục phân công nhiệm vụ kèm theo)

*\* Kế hoạch hành động này thay thế cho Chương trình hành động số 89-CTr/TU, ngày 25/02/2025 và Kế hoạch hành động số 475-KH/TU, ngày 22/5/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng, Kế hoạch hành động số 293-KH/TU, ngày 25/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hải Dương về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị đã ban hành trước đây.*

### Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo Trung ương (để báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các cơ quan đảng trực thuộc Thành ủy,
- Các đảng ủy trực thuộc Thành ủy,
- Các sở, ngành, MTTQ thành phố,
- Các đảng ủy xã, phường, đặc khu,
- Các đồng chí Ủy viên Thành ủy,
- Lưu Văn phòng Thành ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ**  
**BÍ THƯ**

**Lê Tiến Châu**

## PHỤ LỤC PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

(Kèm theo Kế hoạch hành động số -KH/TU, ngày tháng năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy)

-----

### Phụ lục 1: Phân công chủ trì, theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu

| Stt      | Chỉ tiêu                                                                                                                        | Năm 2025 | Năm 2030 | Năm 2035 | Năm 2040 | Năm 2045 | Đồng chí được phân công chỉ đạo                                                      | Đồng chí được phân công chủ trì            | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá | Sản phẩm đầu ra    |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------|--------------------|
| <b>I</b> | <b>Phát triển hạ tầng</b>                                                                                                       |          |          |          |          |          |                                                                                      |                                            |                                    |                    |
| 1        | Tỷ lệ phủ sóng 5G trong khu đô thị trên địa bàn thành phố                                                                       | ≥60%     | 100%     | 100%     | 100%     | 100%     | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ           | Bộ số liệu báo cáo |
| 2        | Tỷ lệ phủ sóng 5G tại các khu công nghiệp, cảng biển, cảng hàng không, khu du lịch, trung tâm thương mại trên địa bàn thành phố | 100%     | 100%     | 100%     | 100%     | 100%     | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ           | Bộ số liệu báo cáo |
| 3        | Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.                                           | ≥60%     | 100%     | 100%     | 100%     | 100%     | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ           | Bộ số liệu báo cáo |
| 4        | Tỷ lệ phủ sóng 6G tại khu công nghiệp, cảng biển, cảng hàng không trên địa bàn thành phố                                        | -        | -        | 100%     | 100%     | 100%     | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ           | Bộ số liệu báo cáo |

| Stt       | Chỉ tiêu                                                          | Năm 2025            | Năm 2030            | Năm 2035 | Năm 2040    | Năm 2045      | Đồng chí được phân công chỉ đạo                                                     | Đồng chí được phân công chủ trì                                                                   | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá                                   | Sản phẩm đầu ra    |
|-----------|-------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|----------|-------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 5         | Tỉ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn thành phố.                         | -                   | -                   | 50%      | 80%         | 100%          | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ                                                        | Sở Khoa học và Công nghệ                                             | Bộ số liệu báo cáo |
| <b>II</b> | <b>Phát triển nguồn lực</b>                                       |                     |                     |          |             |               |                                                                                     |                                                                                                   |                                                                      |                    |
| 6         | Tỉ lệ chi cho KHCN, ĐMST, CDS trong tổng chi ngân sách thành phố. | phần đầu ít nhất 3% | phần đầu ít nhất 3% | đạt 3%   | đạt trên 3% | đạt trên 3,5% | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố | Đồng chí Giám đốc Sở Tài chính.                                                                   | Sở Tài chính                                                         | Bộ số liệu báo cáo |
| 7         | Tỷ lệ kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (RD) trong GRDP.     | -                   | 2%                  | 2%       | 2%          | 2%            | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ                                                        | Sở Khoa học và Công nghệ                                             | Bộ số liệu báo cáo |
| 8         | Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản. | 80%                 | 100%                | 100%     | 100%        | 100%          | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố | Đồng chí Giám đốc Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ và Chủ tịch các cấp chính quyền địa phương. | Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Các cấp chính quyền địa phương. | Bộ số liệu báo cáo |
| 9         | Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ                     | 80%                 | 100%                | 100%     | 100%        | 100%          | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy                                                       | Đồng chí Giám đốc Sở                                                                              | Sở Nội vụ, Sở Khoa học                                               | Bộ số liệu báo cáo |

| Stt | Chỉ tiêu                                                                                                                               | Năm 2025 | Năm 2030 | Năm 2035 | Năm 2040 | Năm 2045 | Đồng chí được phân công chỉ đạo                                                      | Đồng chí được phân công chủ trì                                                                  | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá                                  | Sản phẩm đầu ra    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------|
|     | năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.                                                                                  |          |          |          |          |          | viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố                                | Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ và Chủ tịch các cấp chính quyền địa phương                      | và Công nghệ; Các cấp chính quyền địa phương                        |                    |
| 10  | Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp thành phố được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản                                                                | 100%     | 100%     | 100%     | 100%     | 100%     | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố  | Đồng chí Giám đốc Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ và Chủ tịch các cấp chính quyền địa phương | Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ; Các cấp chính quyền địa phương | Bộ số liệu báo cáo |
| 11  | Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.                                              | 80%      | 90%      | 95%      | 97%      | 100%     | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây dựng.                                  | Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây dựng.                       | Bộ số liệu báo cáo |
| 12  | Tỷ lệ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số... | -        | -        | -        | 80-90%   | ≥ 90%    | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ                                                       | Sở Khoa học và Công nghệ                                            | Bộ số liệu báo cáo |

| Stt | Chỉ tiêu                                                                                                                                                            | Năm 2025       | Năm 2030       | Năm 2035       | Năm 2040       | Năm 2045       | Đồng chí được phân công chỉ đạo                                                      | Đồng chí được phân công chủ trì            | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá | Sản phẩm đầu ra    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------|--------------------|
| 13  | Số người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.                                                            | Có từ 07 người | Có từ 12 người | Có từ 20 người | Có từ 33 người | Có từ 54 người | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ           | Bộ số liệu báo cáo |
| 14  | Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên.                                                            | $\geq 75\%$    | $\geq 95\%$    | 100%           | 100%           | -              | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo   | Sở Giáo dục và Đào tạo             | Bộ số liệu báo cáo |
| 15  | Tỷ lệ các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên.                                                   | $\geq 70\%$    | $\geq 90\%$    | $\geq 95\%$    | 100%           | -              | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo   | Sở Giáo dục và Đào tạo             | Bộ số liệu báo cáo |
| 16  | Tỷ lệ Cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số; cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số. | $\geq 90\%$    | 100%           | -              | -              | -              | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo   | Sở Giáo dục và Đào tạo             | Bộ số liệu báo cáo |
| 17  | Tỷ lệ Cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.                      | $\geq 80\%$    | -              | -              | -              | -              | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo   | Sở Giáo dục và Đào tạo             | Bộ số liệu báo cáo |

| Stt | Chỉ tiêu                                                                                                                                                                                                                                                | Năm 2025 | Năm 2030    | Năm 2035    | Năm 2040 | Năm 2045 | Đồng chí được phân công chỉ đạo                                                      | Đồng chí được phân công chủ trì          | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá | Sản phẩm đầu ra    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------------|-------------|----------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------|--------------------|
| 18  | Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên triển khai các chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh (học viên) phù hợp với quy định của Bộ GDĐT quy định tại thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học. | -        | 100%        | -           | -        | -        | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo             | Bộ số liệu báo cáo |
| 19  | Tỷ lệ Các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo vào các môn học và hoạt động giáo dục.                                                                                                          | -        | $\geq 95\%$ |             | 100%     | -        | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo             | Bộ số liệu báo cáo |
| 20  | Tỷ lệ Cơ sở giáo dục trung học, Cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên.                                                                                                     | -        | $\geq 85\%$ | $\geq 95\%$ | 100%     | -        | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo             | Bộ số liệu báo cáo |
| 21  | Tỷ lệ Cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.                                                                                                          | -        | 100%        | -           | -        | -        | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo             | Bộ số liệu báo cáo |

| Stt        | Chỉ tiêu                                                                                                                                                        | Năm 2025 | Năm 2030 | Năm 2035 | Năm 2040 | Năm 2045 | Đồng chí được phân công chỉ đạo                                                      | Đồng chí được phân công chủ trì                              | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá  | Sản phẩm đầu ra    |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------|
| 22         | Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hoá, xã hội, con người, duy trì chỉ số phát triển con người (HDI). | -        | > 0,7    | -        | -        | -        | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ                   | Sở Khoa học và Công nghệ            | Bộ số liệu báo cáo |
| <b>III</b> | <b><i>Phát triển khoa học, công nghệ</i></b>                                                                                                                    |          |          |          |          |          |                                                                                      |                                                              |                                     |                    |
| 23         | Số lượng cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn thành phố.                                                                                                | ≥ 300    | ≥ 600    | ≥ 1.200  | ≥ 2.000  | ≥ 3.000  | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ                   | Sở Khoa học và Công nghệ            | Bộ số liệu báo cáo |
| 24         | Tỷ trọng đóng góp năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) và GRDP.                                                                                                  |          | 55-60%   |          |          |          | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Trưởng Thống kê thành phố;<br>Đồng chí Giám đốc Sở Tài chính | Thống kê thành phố;<br>Sở Tài chính | Bộ số liệu báo cáo |
| 25         | Tốc độ đổi mới công nghệ trung bình.                                                                                                                            |          | 20-22%   |          |          |          | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ                   | Sở Khoa học và Công nghệ            | Bộ số liệu báo cáo |
| 26         | Số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn. Thành phố phấn đấu có số lượng doanh nghiệp khoa học và                                               | ≥ 75     | ≥ 150    | ≥ 250    | ≥ 300    | ≥ 400    | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân            | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ                   | Sở Khoa học và Công nghệ            | Bộ số liệu báo cáo |

| Stt | Chỉ tiêu                                                                                                                                                                                                                           | Năm 2025 | Năm 2030 | Năm 2035 | Năm 2040 | Năm 2045 | Đồng chí được phân công chỉ đạo                                                      | Đồng chí được phân công chủ trì                            | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá        | Sản phẩm đầu ra    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|
|     | công nghệ đạt Top đầu cả nước; tối thiểu có 01 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến. Thu hút ít nhất 01 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Thành phố. |          |          |          |          |          | thành phố.                                                                           |                                                            |                                           |                    |
| 27  | Số lượng tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc thành phố. Có 2-3 tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới.                                                                                      | ≥ 4      | ≥ 6      | ≥ 8      | ≥ 10     | ≥ 12     | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ                 | Sở Khoa học và Công nghệ                  | Bộ số liệu báo cáo |
| 28  | Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng bình quân/năm.                                                                                                                                                                              | -        | 19%      | -        | -        | -        | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công thương | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công thương. | Bộ số liệu báo cáo |
| 29  | Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP.                                                                                                                                                                                 | -        | 55%      | -        | -        | -        | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công thương | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công thương. | Bộ số liệu báo cáo |

| Stt | Chỉ tiêu                                                                             | Năm 2025 | Năm 2030 | Năm 2035 | Năm 2040 | Năm 2045 | Đồng chí được phân công chỉ đạo                                                      | Đồng chí được phân công chủ trì                            | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá        | Sản phẩm đầu ra    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|
| 30  | Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghệ cao trong công nghiệp chế biến, chế tạo.         | -        | 70%      | -        | -        | -        | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công thương | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công thương. | Bộ số liệu báo cáo |
| 31  | Số lượng công trình khoa học và công nghệ cấp thành phố được nghiệm thu/năm.         | ≥ 30     | ≥ 40     | ≥ 80     | ≥ 120    | ≥ 160    | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ                 | Sở Khoa học và Công nghệ                  | Bộ số liệu báo cáo |
| 32  | Số lượng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố triển khai/năm.                | ≥ 30     | ≥ 50     | ≥ 80     | ≥ 120    | ≥ 160    | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ                 | Sở Khoa học và Công nghệ                  | Bộ số liệu báo cáo |
| 33  | Tỷ lệ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu. | ≥ 40%    | ≥ 60%    | ≥ 75%    | ≥ 85%    | ≥ 95%    | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ                 | Sở Khoa học và Công nghệ                  | Bộ số liệu báo cáo |
| 34  | <u>Số lượng đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích)/năm.</u>        | ≥ 25     | ≥ 40     | ≥ 80     | ≥ 120    | ≥ 180    | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ                 | Sở Khoa học và Công nghệ                  | Bộ số liệu báo cáo |

| Stt | Chỉ tiêu                                                                                                                | Năm 2025 | Năm 2030 | Năm 2035 | Năm 2040  | Năm 2045 | Đồng chí được phân công chỉ đạo                                                      | Đồng chí được phân công chủ trì            | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá | Sản phẩm đầu ra    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|----------|-----------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------|--------------------|
| 35  | Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.                                | ≥ 10%    | ≥ 25%    | ≥ 40%    | ≥ 60%     | ≥ 80%    | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ           | Bộ số liệu báo cáo |
| 36  | Số lượng bài báo khoa học (Scopus/ISI) có địa chỉ tác giả tại thành phố/năm.                                            | ≥ 50     | ≥ 150    | ≥ 300    | ≥ 500     | ≥ 800    | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ           | Bộ số liệu báo cáo |
| 37  | Số lượng trung tâm nghiên cứu và phát triển hoặc đổi mới sáng tạo của thành phố đạt uy tín trong nước, kết nối quốc tế. | -        | -        | -        | 07 đến 10 | -        | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ           | Bộ số liệu báo cáo |
| 38  | Số lượng trung tâm nghiên cứu, phát triển trọng điểm thành phố thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư.               | -        | -        | -        | 15 đến 20 | -        | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ           | Bộ số liệu báo cáo |
| 39  | Số công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực/năm.                                          | ≥ 1      | ≥ 3      | ≥ 5      | ≥ 8       | ≥ 10     | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ           | Bộ số liệu báo cáo |

| Stt | Chỉ tiêu                                                                     | Năm 2025 | Năm 2030 | Năm 2035 | Năm 2040 | Năm 2045 | Đồng chí được phân công chỉ đạo                                                      | Đồng chí được phân công chủ trì                            | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá        | Sản phẩm đầu ra    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|
| IV  | <i>Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo</i>                              |          |          |          |          |          |                                                                                      |                                                            |                                           |                    |
| 40  | <u>Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.</u>                           | ≥ 200    | ≥ 400    | ≥ 500    | ≥ 1000   | ≥ 1500   | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ                 | Sở Khoa học và Công nghệ                  | Bộ số liệu báo cáo |
| 41  | Số lượng vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.                               | ≥ 3      | ≥ 7      | ≥ 12     | ≥ 18     | ≥ 25     | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ                 | Sở Khoa học và Công nghệ                  | Bộ số liệu báo cáo |
| 42  | Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp. | -        | 40%      | -        | -        | -        | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ                 | Sở Khoa học và Công nghệ                  | Bộ số liệu báo cáo |
| 43  | Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.       | ≥ 15%    | ≥ 30%    | ≥ 50%    | ≥ 70%    | ≥ 90%    | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ                 | Sở Khoa học và Công nghệ                  | Bộ số liệu báo cáo |
| 44  | <u>Số lượng sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa/năm.</u>           | ≥ 20     | ≥ 60     | ≥ 150    | ≥ 300    | ≥ 500    | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công thương | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công thương. | Bộ số liệu báo cáo |

| Stt | Chỉ tiêu                                                                                | Năm 2025    | Năm 2030   | Năm 2035    | Năm 2040    | Năm 2045    | Đồng chí được phân công chỉ đạo                                                      | Đồng chí được phân công chủ trì                          | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá      | Sản phẩm đầu ra    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|-------------|-------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------|
| 45  | Số lượng dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách thành phố/năm.                 | $\geq 10$   | $\geq 30$  | $\geq 60$   | $\geq 100$  | $\geq 150$  | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ               | Sở Khoa học và Công nghệ                | Bộ số liệu báo cáo |
| 46  | <u>Số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại thành phố/năm.</u>               | $\geq 10$   | $\geq 20$  | $\geq 50$   | $\geq 100$  | $\geq 200$  | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ               | Sở Khoa học và Công nghệ                | Bộ số liệu báo cáo |
| 47  | <u>Số lượng bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo/năm.</u>               | $\geq 50$   | $\geq 300$ | $\geq 700$  | $\geq 1200$ | $\geq 1800$ | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ               | Sở Khoa học và Công nghệ                | Bộ số liệu báo cáo |
| 48  | <u>Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.</u> | $\geq 10\%$ | $\geq 25$  | $\geq 40\%$ | $\geq 60\%$ | $\geq 80\%$ | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính. | Bộ số liệu báo cáo |
| 49  | Số lượng sáng kiến trong khu vực công được công nhận/năm.                               | $\geq 60$   | $\geq 70$  | $\geq 120$  | $\geq 180$  | $\geq 250$  | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ               | Sở Khoa học và Công nghệ                | Bộ số liệu báo cáo |

| Stt      | Chỉ tiêu                                                                                                                                | Năm 2025    | Năm 2030                       | Năm 2035    | Năm 2040    | Năm 2045 | Đồng chí được phân công chỉ đạo                                                      | Đồng chí được phân công chủ trì                                                                | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá                                     | Sản phẩm đầu ra    |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------|-------------|-------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 50       | Xếp hạng thành phố có chỉ số hệ sinh thái khởi nghiệp toàn cầu hoặc xếp hạng cả nước về thành phố có hệ sinh thái khởi nghiệp toàn cầu. | -           | 200 đến 300 hoặc top 3 cả nước | -           | -           | -        | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ                                                     | Sở Khoa học và Công nghệ                                               | Bộ số liệu báo cáo |
| <b>V</b> | <b>Phát triển chuyển đổi số</b>                                                                                                         |             |                                |             |             |          |                                                                                      |                                                                                                |                                                                        |                    |
| 51       | <u>Chỉ số chuyển đổi số thành phố.</u>                                                                                                  | $\geq 0,77$ | $\geq 0,8$                     | $\geq 0,85$ | $\geq 0,92$ | đạt 1,0  | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ                                                     | Sở Khoa học và Công nghệ                                               | Bộ số liệu báo cáo |
| 52       | Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.    | $\geq 70\%$ | 100%                           | 100%        | 100%        | 100%     | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Thủ tướng các Sở, ngành, đơn vị; Chủ tịch UBND các cấp chính quyền địa phương.        | Các Sở, ngành; địa phương; đơn vị                                      | Bộ số liệu báo cáo |
| 53       | Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.                        | 100%        | 100%                           | 100%        | 100%        | 100%     | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chính quyền địa phương | Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân các cấp chính quyền địa phương | Bộ số liệu báo cáo |

| Stt | Chỉ tiêu                                                                                  | Năm 2025    | Năm 2030    | Năm 2035    | Năm 2040 | Năm 2045 | Đồng chí được phân công chỉ đạo                                                      | Đồng chí được phân công chủ trì                                                                     | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá                    | Sản phẩm đầu ra    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|-------------|----------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------|
| 54  | Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.                                     | $\geq 70\%$ | 100%        | 100%        | 100%     | 100%     | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chính quyền địa phương. | Các Sở, ngành; Các cấp chính quyền địa phương, đơn vị | Bộ số liệu báo cáo |
| 55  | <u>Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.</u>                    | $\geq 80\%$ | 100%        | 100%        | 100%     | 100%     | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị; Chủ tịch UBND các cấp chính quyền địa phương.            | Các Sở, ngành; Các cấp chính quyền địa phương, đơn vị | Bộ số liệu báo cáo |
| 56  | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện. | 100%        | 100%        | 100%        | 100%     | 100%     | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chính quyền địa phương. | Các Sở, ngành; Các cấp chính quyền địa phương, đơn vị | Bộ số liệu báo cáo |
| 57  | Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.                                          | $\geq 70\%$ | $\geq 85\%$ | $\geq 95\%$ | 100%     | 100%     | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân            | Đồng chí Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị; Chủ tịch                                                 | Các Sở, ngành; Các cấp chính quyền địa phương, đơn    | Bộ số liệu báo cáo |

| Stt | Chỉ tiêu                                                                         | Năm 2025    | Năm 2030    | Năm 2035    | Năm 2040    | Năm 2045 | Đồng chí được phân công chỉ đạo                                                      | Đồng chí được phân công chủ trì                          | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá      | Sản phẩm đầu ra    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------|
|     |                                                                                  |             |             |             |             |          | thành phố.                                                                           | Ủy ban nhân dân các cấp chính quyền địa phương.          | vị                                      |                    |
| 58  | Tỷ lệ hệ thống thông tin của thành phố vận hành trên nền tảng điện toán đám mây. | $\geq 40\%$ | 70%         | $\geq 90\%$ | 100%        | 100%     | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ               | Sở Khoa học và Công nghệ                | Bộ số liệu báo cáo |
| 59  | Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của thành phố được số hóa & liên thông tới Trung ương.       | $\geq 50\%$ | 80%         | 100%        | 100%        | 100%     | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ               | Sở Khoa học và Công nghệ                | Bộ số liệu báo cáo |
| 60  | Tỷ lệ dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.    | $\geq 60\%$ | 85%         | 100%        | 100%        | 100%     | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Thủ trưởng các sở, ngành                        | Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành | Bộ số liệu báo cáo |
| 61  | Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.                  | $\geq 30\%$ | 60%         | $\geq 85\%$ | $\geq 95\%$ | 100%     | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch UBND thành phố.            | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính  | Bộ số liệu báo cáo |
| 62  | Tỷ lệ người dân có chữ ký số                                                     | -           | $\geq 10\%$ | 20%         | 30%         | 40%      | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch                            | Đồng chí Giám đốc Công an thành phố.                     | Công an Thành phố                       | Bộ số liệu báo cáo |

| Stt | Chỉ tiêu                                                                          | Năm 2025 | Năm 2030 | Năm 2035 | Năm 2040 | Năm 2045 | Đồng chí được phân công chỉ đạo                                                      | Đồng chí được phân công chủ trì                                                                                                | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá                                                      | Sản phẩm đầu ra    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|     |                                                                                   |          |          |          |          |          | UBND thành phố.                                                                      |                                                                                                                                |                                                                                         |                    |
| 63  | Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)                            | ≥ 70%    | 85%      | ≥ 95%    | 100%     | 100%     | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Công an thành phố; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chính quyền địa phương | Công an Thành phố; Các Sở, ngành; Các Sở, ngành; Các cấp chính quyền địa phương, đơn vị | Bộ số liệu báo cáo |
| 64  | Tỷ lệ đảng ủy, chính quyền cấp xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất. | ≥ 60%    | 90%      | 100%     | 100%     | 100%     | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chính quyền địa phương                                                               | Ủy ban nhân dân các cấp chính quyền địa phương                                          | Bộ số liệu báo cáo |
| 65  | <u>Tỷ lệ Quy mô kinh tế số trong GRDP.</u>                                        | 30%      | 35%      | 45-50%   | 50-55%   | 60%      | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ                                                                                     | Sở Khoa học và Công nghệ                                                                | Bộ số liệu báo cáo |

**Phụ lục số 02: Phân công thực hiện các nhiệm vụ**

| <b>Stt</b> | <b>Tên nhiệm vụ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>Đồng chí được phân công chỉ đạo</b>                                                                    | <b>Cá nhân/tổ chức được phân công chủ trì</b>                              | <b>Sản phẩm đầu ra</b>     | <b>Tiến độ thực hiện</b> |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------|
| 1          | Kiến toàn Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của thành phố, có cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp; bố trí cán bộ có trình độ, năng lực về khoa học, kỹ thuật vào cấp ủy các cấp.                                                                                     | Đồng chí Bí thư Thành ủy                                                                                  | Văn phòng Thành ủy                                                         | Quyết định                 | Thường xuyên             |
| 2          | Mời các chuyên gia, các nhà khoa học, nhà quản lý có uy tín trong và ngoài nước tham gia vào Hội đồng Tư vấn.                                                                                                                                                                                                                                 | Đồng chí Đào Trọng Đức, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Chánh Văn phòng Thành ủy                          | Văn phòng Thành ủy                                                         | Quyết định/<br>Văn bản mời | Thường xuyên             |
| 3          | Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân.                                                                                                                                                         | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.                      | Đồng chí Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Kế hoạch                   | <b>Thường xuyên</b>      |
| 4          | Quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW trong toàn thể xã hội; hướng dẫn tuyên truyền nội bộ, trên báo chí, mạng xã hội.                                                                                                                                                                                                     | Đồng chí Nguyễn Quang Phúc, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Trưởng ban Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy | Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy                                         | Kế hoạch                   | Hàng năm                 |
| 5          | Tham mưu bố trí cán bộ có trình độ khoa học, kỹ thuật giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý, tham gia vào cấp ủy các cấp; phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu kiến toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực đảm bảo khả năng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan đảng các cấp. | Đồng chí Lê Trí Vũ, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Trưởng Ban Tổ chức Thành ủy                           | Ban Tổ chức Thành ủy                                                       | Kế hoạch                   | Hàng năm                 |

| Stt | Tên nhiệm vụ                                                                                                                             | Đồng chí được phân công chỉ đạo                                                      | Cá nhân/tổ chức được phân công chủ trì                                                  | Sản phẩm đầu ra                        | Tiến độ thực hiện                    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------|
| 6   | Xây dựng Kế hoạch cụ thể của các cấp, ngành, đơn vị, địa phương phù hợp với đặc thù thành phố, đơn vị dựa trên Kế hoạch hành động chung. | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị, địa phương                                   | Kế hoạch                               | <b>Hoàn thành trong tháng 9/2025</b> |
| 7   | Xây dựng kế hoạch thực hiện, cụ thể hóa của Ủy ban nhân dân thành phố.                                                                   | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ                                              | Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố | <b>Hoàn thành trong tháng 9/2025</b> |
| 8   | Bố trí nguồn lực thực hiện Kế hoạch.                                                                                                     | Đồng chí Trần Văn Quân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.                      | Đồng chí Giám đốc Sở Tài chính                                                          | Kế hoạch                               | Hàng năm                             |
| 9   | Hoàn thiện thể chế, chính sách tạo đột phá cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số .                        | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chính quyền | Các cơ chế, chính sách                 | Thường xuyên                         |
| 10  | Xây dựng chiến lược phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số.                                                                         | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ                                              | Chiến lược/ Kế hoạch                   | Hoàn thành trong năm 2027            |
| 11  | Xây dựng chiến lược tổng thể 10 năm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.              | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ                                              | Chiến lược/ Kế hoạch                   | Hoàn thành trong năm 2026            |
| 12  | Xây dựng chiến lược giai đoạn 5 năm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.                                                            | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. | Đồng chí Giám đốc Sở Nội vụ                                                             | Chiến lược/ Kế hoạch                   | Hoàn thành trong năm 2026            |

| Stt | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đồng chí được phân công chỉ đạo                                                           | Cá nhân/tổ chức được phân công chủ trì     | Sản phẩm đầu ra         | Tiến độ thực hiện         |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------|---------------------------|
| 13  | Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số.                                                                                                                                                                                                                                                                          | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.      | Đồng chí Giám đốc Công an Thành phố        | Kế hoạch                | Hàng năm                  |
| 14  | Xây dựng chiến lược chuyển đổi số, kinh tế số thành phố.                                                                                                                                                                                                                                                       | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.      | Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ | Chiến lược/<br>Kế hoạch | Hoàn thành trong năm 2027 |
| 15  | Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế.                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đồng chí Hoàng Minh Cường, Ủy viên Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.      | Đồng chí Giám đốc Sở Ngoại vụ              | Kế hoạch                | Hàng năm                  |
| 16  | Thực hiện kiểm tra, giám sát hàng năm đối với việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình, Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo quy định; đề xuất xử lý trách nhiệm các đơn vị, cá nhân chậm hoặc chưa triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan. | Đồng chí Vũ Hồng Hiên, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Thành ủy | Ủy ban kiểm tra Thành ủy                   | Kế hoạch                | Hàng năm                  |
| 17  | Giám sát và phản biện xã hội hàng năm đối với việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình hành động, Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo quy định.                                                                                       | Đồng chí Phạm Văn Lập, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố.      | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố | Kế hoạch                | Hàng năm                  |

| Stt | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                         | Đồng chí được phân công chỉ đạo                                                                | Cá nhân/tổ chức được phân công chủ trì | Sản phẩm đầu ra   | Tiến độ thực hiện |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------|-------------------|
| 18  | Theo dõi, tổng hợp tình hình, nghiên cứu đề xuất giải pháp đấu tranh với sai phạm trong triển khai các dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. | Đồng chí Nguyễn Đình Chuyển, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Trưởng ban Ban Nội chính Thành ủy | Ban Nội chính                          | Kế hoạch, Báo cáo | Hàng năm          |
| 19  | Xây dựng các báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng.                                                                                            | Đồng chí Đào Trọng Đức, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Chánh Văn phòng Thành ủy               | Văn phòng Thành ủy                     | Báo cáo           | Theo yêu cầu      |